

# CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM MEDIA SERVICES AND SOFTWARE TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET NAM MS CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107925294

3. Ngày thành lập: 21/07/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 1013 Đường La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963053460

Fax:

Email: tranmanhtuanxd@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su;                                                   | 4663        |
| 2.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201(Chính) |
| 3.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4773 |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230 |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299 |
| 8.  | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7010 |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |
| 11. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4752 |
| 12. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2610 |
| 13. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2620 |
| 14. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2640 |
| 15. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2651 |
| 16. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0118 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0161 |
| 18. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1030 |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 20. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan như: hoạt động cho thuê riêng như cho thuê trang Web, dịch vụ truyền suốt hoặc cho thuê ứng dụng, cung cấp các dịch vụ ứng dụng thiết bị mainframe phân thời cho khách hàng. Hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm xử lý hoàn chỉnh và báo cáo các kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp hoặc nhập tin và xử lý dữ liệu tự động; | 6311 |
| 21. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4753 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759 |
| 23. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4771 |
| 24. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6312 |
| 25. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4100 |
| 26. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                              | 4220 |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632 |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4311 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4321 |
| 32. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                   | 4791 |
| 33. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                           | 4322 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                | 9512 |
| 36. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320 |
| 37. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                     | 8211 |
| 38. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641 |
| 39. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                   | 3320 |
| 40. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                       | 4651 |
| 41. | Xuất bản phần mềm<br>Không bao gồm hoạt động xuất bản phẩm                                                                                                                                                                                                                                | 5820 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>- Tư vấn, đào tạo và công nghệ thông tin<br>- Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu                                                                                    | 6209 |
| 43. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329 |
| 44. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 45. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                 | 9511 |
| 46. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4741 |
| 47. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                    | 3313 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN MẠNH TUẤN | Số nhà 22 ngõ 71 Đường Thanh Lâm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 60.000.000            | 60,000    | 013410637                                                                                                                                         |         |
| 2   | LÊ THỊ HÀ AN   | Số nhà 1013 Đường La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | 40.000.000            | 40,000    | 012752853                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN MẠNH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/03/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013410637

Ngày cấp: 23/04/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 22 ngõ 71 Đường Thanh Lâm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 22 ngõ 71 Đường Thanh Lâm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội